

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

| # | Thông tin | Nội dung | Chương trình định hướng nghiên cứu | Chương trình định hướng ứng dụng |
|---|---------------|-----------------------------------|--|--|
| 1 | Xây dựng CTĐT | Tổng số tín chỉ | >= 60 tín chỉ (TC) | |
| | | Học phần chuyên ngành tự chọn | >= 30% | |
| | | Chuyên đề nghiên cứu/Thực tập | Chuyên đề nghiên cứu (12 ÷ 15 TC) | Thực tập (6 ÷ 9 T) |
| | | Luận văn thạc sĩ/Đề án tốt nghiệp | Luận văn thạc sĩ (12 ÷ 15 TC) | Đề án tốt nghiệp (6 ÷ 9 T) |
| 2 | Tuyển sinh | Yêu cầu văn bằng tốt nghiệp | <p>+ Tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành dự tuyển;</p> <p>+ Tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành dự tuyển và có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu trong thời hạn 3 năm (36 tháng) tính đến ngày hoàn tất nộp hồ sơ dự tuyển.</p> | Người dự tuyển đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành dự tuyển. |
| | | Yêu cầu ngoại ngữ | <p>+ Bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (KNTNN) đối với chương trình đào tạo bằng tiếng Việt;</p> <p>+ Bậc 4/6 KNTNN Việt Nam đối với chương trình đào tạo bằng tiếng Anh;</p> | |

| # | Thông tin | Nội dung | Chương trình định hướng nghiên cứu | Chương trình định hướng ứng dụng | |
|---|---------------------------------|---|--|--|--|
| 3 | Triển khai chương trình đào tạo | Hình thức đào tạo | + Chính quy | + Chính quy + Vừa làm vừa học | |
| | | Thời gian đào tạo chuẩn | + Chính quy: 2 năm | + Chính quy: 2 năm + Vừa làm vừa học: 2,5 năm | |
| | | Thời gian đào tạo tối đa | + Chính quy: 4 năm | + Chính quy: 4 năm + Vừa làm vừa học: 5 năm | |
| | | Lịch học triển khai | + Chính quy: Các buổi tối trong tuần và thứ 7; | + Chính quy: Các buổi tối trong tuần và thứ 7; + Vừa làm vừa học: Các buổi tối trong tuần, thứ 7 và Chủ nhật. | |
| | | Số tín chỉ đăng kí tối đa một năm | + Chính quy: ≤ 45 tín chỉ | + Chính quy: ≤ 45 tín chỉ + Vừa làm vừa học: ≤ 30 tín chỉ | |
| | | Công nhận chuyển đổi tín chỉ học phần | + CTĐT ThS khác hoặc CTĐT chuyên sâu đặc thù: ≤ 30 TC + CT 4+1 các ngành không chuyên sâu đặc thù: ≤ 15 | | |
| | | Thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế ngoài Trường | $\leq 20\%$ CTĐT ~ 12 TC | | |
| | | Số giờ giảng đối với mỗi học phần | ≤ 15 h/tuần & 4h/ngày | | |
| | | Yêu cầu ngoại ngữ đầu ra | Bậc 4/6 KNTNN Việt Nam trước khi xét tốt nghiệp | | |

Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu thì có thể sử dụng Luận văn thạc sĩ một công bố khoa học dùng để dự tuyển chương trình tiến sĩ. Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng thì phải có công bố khoa học (bài báo) để dự tuyển chương trình tiến sĩ.